TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt thi tháng 06 năm 2020

**Môn thi: Tin học VP**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | Ca | MÁY | WIN | WWORD | EXCB | ĐIỂM | Đạt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Đào Nguyên | Anh | 13155054 | 06 | WS1005 | 8,10 | 4,90 | 4,10 | 5.70 | x |
| 2 | Trần Tuấn | Anh | 12154034 | 06 | WS1007 | 2,10 | 5,90 | 4,50 | 4.20 | |
| 3 | Ngô Minh | Cường | 13127024 | 06 | WS1008 | 6,10 | 7,80 | 4,80 | 6.20 | x |
| 4 | Nguyễn Ngọc | Diệu | 13131020 | 06 | WS1009 | 9,00 | 6,30 | 4,00 | 6.40 | x |
| 5 | Phan Văn | Dương | 13124057 | 06 | WS1010 | 8,90 | 9,00 | 5,90 | 7.90 | x |
| 6 | Lê Thị Thùy | Dung | 13125067 | 06 | WS1011 | 9,00 | 8,90 | 6,00 | 8.00 | x |
| 7 | Mai Nguyên | Duy | 12111001 | 06 | WS1025 | 8,40 | 7,60 | 6,10 | 7.40 | x |
| 8 | Hồ Thanh | Hết | 13154018 | 06 | WS1012 | 4,10 | 3,40 | 2,40 | 3.30 | |
| 9 | Nguyễn Thị Ngọc | Huyền | 13132026 | 06 | WS1015 | 2,00 | 4,50 | 2,60 | 3.00 | |
| 10 | Lê Huỳnh Phương | Khanh | 13111267 | 06 | WS1016 | 7,10 | 3,90 | 3,90 | 5.00 | x |
| 11 | Bùi Quang Tấn | Khả | 13125207 | 06 | WS1017 | 8,10 | 7,50 | 5,90 | 7.20 | x |
| 12 | Nguyễn Đào Đăng | Khoa | 12111007 | 06 | WS1018 | 7,10 | 6,00 | 5,00 | 6.00 | x |
| 13 | Chu Bá Hoàng | Lâm | 13137083 | 06 | WS1019 | 7,60 | 5,00 | 4,00 | 5.50 | x |
| 14 | Nguyễn Bảo | Lộc | 13115063 | 06 | WS1020 | 6,10 | 4,90 | 5,90 | 5.60 | x |
| 15 | Hoàng Đức | Lương | 13138260 | 06 | WS1021 | 8,60 | 4,60 | 3,00 | 5.40 | x |
| 16 | Bùi Thành | Luân | 13122324 | 06 | WS1022 | 8,50 | 3,30 | 3,10 | 5.00 | x |
| 17 | Trịnh Đình | Minh | 13153014 | 06 | WS1023 | 6,50 | 4,30 | ,00 | 3.60 | |
| 18 | Võ Thị Bảo | Ngân | 12115042 | 06 | WS1024 | 5,60 | 8,90 | 7,00 | 7.20 | x |
| 19 | Nguyễn Thị Mỹ | Ngọc | 13125315 | 06 | WS1026 | 8,60 | 4,80 | 4,90 | 6.10 | x |
| 20 | Lê | Phương | 13111378 | 06 | WS1027 | 6,00 | 7,10 | 6,50 | 6.50 | x |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
**TRUNG TÂM TIN HỌC ỨNG DỤNG**

# KẾT QUẢ THI TIN HỌC
## Đợt thi tháng 06 năm 2020

**Môn thi: Tin học VP**

| STT | HỌ VÀ TÊN | | MÃ SV | Ca | MÁY | WIN | WWORD | EXCB | ĐIỂM | Đạt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Nguyễn Đình | Quang | 13115345 | 06 | WS1028 | 4,60 | 6,50 | 1,80 | 4.30 | |
| 22 | Nguyễn Như | Quỳnh | 13115090 | 06 | WS1029 | 6,60 | 2,80 | 1,60 | 3.70 | |
| 23 | Lê Văn Công | Toại | 13115422 | 06 | WS1034 | 6,50 | 4,60 | 1,90 | 4.30 | |
| 24 | Trần Phước | Tường | 13154204 | 06 | WS1035 | 6,10 | 8,50 | 3,90 | 6.20 | x |
| 25 | Thi Văn | Thấn | 13149372 | 06 | WS1031 | 6,50 | 2,50 | 4,00 | 4.30 | |
| 26 | Trần Đỗ Phương | Thảo | 12128138 | 06 | WS1032 | 4,60 | 5,90 | 2,90 | 4.50 | |
| 27 | Trần Thị Hồng | Thúy | 12128151 | 06 | WS1033 | 5,80 | 5,60 | 3,90 | 5.10 | x |
| 28 | Nguyễn Nam | Trí | 13113423 | 06 | WS1036 | 7,30 | 7,60 | 4,90 | 6.60 | x |
| 29 | Phạm Văn | Trường | 12138103 | 06 | WS1037 | 6,60 | 6,40 | 1,60 | 4.90 | |
| 30 | Nguyễn Trí | Viển | 12115115 | 06 | WS1038 | 7,10 | 3,30 | 1,50 | 4.00 | |
| 31 | Đỗ Danh | Việt | 12113073 | 06 | WS1039 | 8,10 | 6,40 | 5,80 | 6.80 | x |
| 32 | Trịnh Khắc | Vinh | 12111140 | 06 | WS1040 | 7,10 | 3,90 | 2,00 | 4.30 | |
| 33 | Trương Xuân | Vinh | 13115475 | 06 | WS1030 | 6,90 | 5,00 | 2,00 | 4.60 | |

TRUNG TÂM TIN HỌC